

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG	Số: 97/19.3/00.19
VỀ	Lãnh đạo: <i>mở rộng</i>
ĐẾN	Phòng: <i>hữu hử</i>
	Sao: <i>hữu hử</i>

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: BC01/STF/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Minh Đức, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: +84 221 3 94 88 18

Fax: +84 221 3 94 88 18

Email: customercare@santa.com.vn

Website: santa.com.vn

Hotline: + 0246 6666 076

Mã số doanh nghiệp: 0107 467 527

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000478/ 2017/ ATTP- CNĐK- Ngày cấp: 26/5/2017- Nơi cấp: Cục An Toàn Thực Phẩm

II. Thông tin về sản phẩm

Sản phẩm: **Merry – Bánh quy dừa mè**

Thành phần: Bột mì, dầu olein, đường, cơm dừa ($\geq 2\%$), mè ($\geq 2\%$), bột sữa, bơ, trứng, mạch nha, chất tạo xốp (500(ii), 503(ii), 451(i)), muối, chất nhũ hóa (322(i)), chất điều chỉnh độ acid (452(i)), chất xử lý bột (223), hương thực phẩm tổng hợp (vani, dừa, sữa, mè), màu thực phẩm tổng hợp (160a(i)).

1. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng (kể từ ngày sản xuất), sử dụng trực tiếp, bảo quản sản phẩm ở nơi khô, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh và tránh ánh nắng trực tiếp.
2. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Được đóng gói kín trong bao bì màng giấy cuộn OPP/MCPP hoặc nhựa tổng hợp. Bao bì đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế.

Khối lượng tịnh: 42g/ gói, 336 g/ hộp, 756 g/ hộp

Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm nhãn sản phẩm)



III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”.

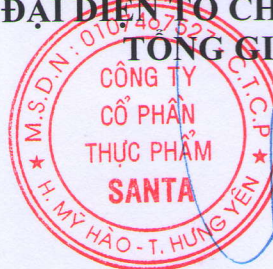
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.

- QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

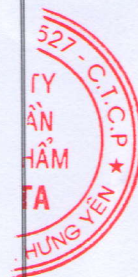
Hưng Yên, ngày 18... tháng 03... năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Hồng Thái



SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HƯNG YÊN	NHÓM SẢN PHẨM	Số: BC01/STF/2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA	Merry – Bánh quy dừa mè	Có hiệu lực từ Ngày ... tháng ... năm 2019

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

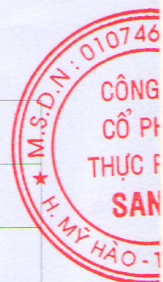
1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- + Trạng thái: Dạng hình chữ nhật hoặc vuông.
- + Màu sắc: Vỏ bánh màu vàng đến nâu đặc trưng.
- + Mùi: Thơm mùi thơm đặc trưng, không có mùi mốc, mùi lạ.
- + Vị: Ngọt, béo đặc trưng, không có vị lạ.
- + Tạp chất: Không có tạp chất.

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo quyết định số 46/2007/QĐ – BYT của Bộ Trưởng Bộ Y Tế ngày 19/12/2007

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^4
2	E.Coli	MPN/g	3
3	Coliforms	CFU/g	10
4	Staphylococcus aureus	CFU/g	10
5	Bacillus cereus	CFU/g	10
6	Clostridium perfringens	CFU/g	10
7	Tổng số TB nấm men – nấm mốc	CFU/g	10^2
8	Samonella	CFU/25g	Không phát hiện



1.3. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2: 2011/BYT.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Pb	mg/kg	0,2
2	Cd	mg/kg	0,1

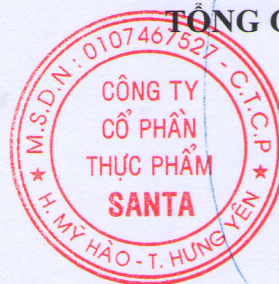
1.4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo QCVN 8-1: 2011/BYT

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2)	µg/kg	4
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	50
5	Hàm lượng Deoxynivalenol (DON)	µg/kg	500

Hưng Yên, ngày 18 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA

TỔNG GIÁM ĐỐC

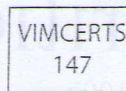


NGÔ HỒNG THÁI





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



**BẢN SAO
COPY**

Mã số mẫu/ Sample Code BN18120043 MM18120098	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 11/12/2018
--	--	--

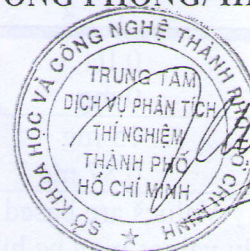
Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA
Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN
Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - BÁNH QUY DỪA MÈ
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/12/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 10/12/2018

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Vũ Hàn Giang

Th.S. Vũ Hàn Giang

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hanh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 18-03-2019
Số chứng thực: 02713 Quyển số: D.1.0CT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Việt Hoàng

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample

TRU SỞ CHÍNH

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP HCM

(V) 18001105

(S) (84.28) 3911 7216

(E) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(9) F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(V) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(S) (84.292) 3918219

(E) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

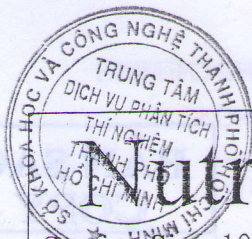
(V) (84.258) 246 5255

(S) (84.258) 246 5355

(E) vanphongmientrung@case.vn

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ ANALYTICAL RESULTS

Mã số mẫu/ Sample Code : MM18120098



Nutrition Facts

Serving Size 100g

Servings Per Container

Amount Per Serving

Calories 535 Calories from Fat /

% Daily Value *

Total Fat: 29,2 g 44,9%
 Saturated Fat : 12,9 g 64,6%
 Trans Fat : 0,08 g

Cholesterol: 5,12 mg 1,71%

Sodium: 389 mg 16%

Total Carbohydrate: 61,1 g 20,4%

Dietary Fiber : 2,42 g 9,68%

Sugars : 22,6 g

Protein: 7,13 g

Vitamin A : 0 IU 0%

Vitamin C : 0 mg 0%

Calcium : 15 mg 1%

Iron : 0,87 mg 5%

* Percent Daily Values are based on a 2,000 calorie diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calorie needs:

Calories 2,000 2,500

Total Fat Less than 65g 80g

Sat Fat Less than 20g 25g

Cholesterol Less than 300mg 300mg

Sodium Less than 2400mg 2400mg

Total Carbohydrate 300g 375g

Fiber 25g 30g

Calories per gram:

Fat 9 Carbohydrates 4 Protein 4

CASE.NS.0079 (Ref. Food and Drugs Administration)

CASE.NS. 0031 (Ref. FAO 14/7 p.214, 1986) (*)

CASE.SK.0107 - GC/FID(*)

CASE.NC.0009

CASE.SK.0012-GC/FID (Ref.AOAC 994.10) (*)

CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)

CASE.NS.0079 (Ref. Food and Drugs Administration)

CASE.NS.0030 (Ref. AOAC 991.43) (*)

CASE.NS.0066 (TCVN 4594:1988)

CASE.NS.0039 (Ref. AOAC 992.23) (*)

CASE.SK.0108 (HPLC)(*)

CASE.SK.0108 (HPLC)(*)

CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35).

CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample

TRU SỞ CHÍNH

[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

[4] 18001105

[a] (84.28) 3911 7216

[e] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[9] F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

[4] (84.292) 3918216 - 217 - 218

[a] (84.292) 3918219

[e] support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

[4] (84.258) 246 5255

[a] (84.258) 246 5355

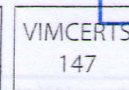
[e] vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO
COPY

Mã số mẫu/ Sample Code BN18120043 MM18120098	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 11/12/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA

Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN

Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - BÁNH QUY DỪA MÈ

Số lượng/ Quantity : 1

Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/12/2018

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 10/12/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aflatoxin	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
2	Aflatoxin B ₁	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
3	Deoxynivalenon (DON)	µg/kg	Không phát hiện MDL = 200	CASE.SK.0070 (LC/MS/MS-REF-Agilent. Application Note 00394) (*)
4	Ochratoxin A	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0069 (HPLC)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample

TRƯ SỞ CHÍNH

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(4) 18001105

(84.28) 3911 7216

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(4) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(84.292) 3918219

support@case.com.vn

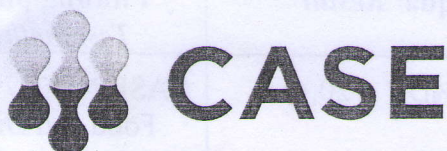
VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) STH2738, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(4) (84.258) 246 5255

(84.258) 246 5355

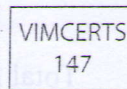
vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO
COPY

Mã số mẫu/ Sample Code BN18120043 MM18120098	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 - LBH 03 Ngày/Date : 11/12/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA
Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN
Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - BÁNH QUY DỪA MÈ
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/12/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 10/12/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Ca	mg/100g	15 (%DV=1)	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)
2	Fe	mg/100g	0,87 (%DV=5)	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)
3	Sodium	mg/100g	389 (%DV=16)	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)
4	Calories	kcal/100g	535	CASE.NS.0079 (Ref. Food and Drugs Administration)
5	Dietary Fiber	g/100g	2,42 (%DV = 9,68)	CASE.NS.0030 (Ref. AOAC 991.43) (*)
6	Protein	g/100g	7,13 (Nito tổng số x 6,25)	CASE.NS.0039 (Ref. AOAC 992.23) (*)
7	Sugar	g/100g	22,6	CASE.NS.0066 (TCVN 4594:1988)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample

TRỤ SỞ CHÍNH

[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
[4] 18001105

[4] (84.28) 3911 7216

[4] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[9] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[4] (84.292) 3918216 - 217 - 218

[4] (84.292) 3918219

[4] support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[4] (84.258) 246 5255

[4] (84.258) 246 5355

[4] vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
8	Total carbohydrate	g/100g	61,1 (%DV = 20,4)	CASE.NS.0079 (Ref. Food and Drugs Administration)
9	Total fat	g/100g	29,2 (%DV = 44,9)	CASE.NS. 0031 (Ref. FAO 14/7 p.214, 1986) (*)
10	Cholesterol	mg/100g	5,12 (%DV=1,71)	CASE.SK.0012-GC/FID (Ref.AOAC 994.10) (*)
11	Saturated fat	g/100g	12,9 (%DV=64,6)	CASE.SK.0107 - GC/FID(*)
12	Vitamin A	IU/100g	Không Phát hiện MDL= 100 (%DV=0)	CASE.SK.0108 (HPLC)(*)
13	Vitamin C	mg/100g	Không phát hiện MDL=0,01 (%DV=0)	CASE.SK.0108 (HPLC)(*)
14	Trans fat	g/100g	0,08	CASE.NC.0009

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 18-03-2019
Số chứng thực: 02713-01
Quyển số: SCT/BS
Th.S. Vũ Hàn Giang



Đoàn Thị Bội Hạnh



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Viết Hoàng

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

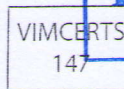
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO
COPY

Mã số mẫu/ Sample Code
BN18120043
MM18120098

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMNM 02/3 - LBH 03
Ngày/Date : 10/12/2018

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA
Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN
Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - BÁNH QUY DỪA MÈ
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/12/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 10/12/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Cd	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0.02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
2	Pb	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,2	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

18-03-2019

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Số chứng thực: 02713 Quyển số: 01 OCT/BS

Th.S. Vũ Hàn Giang



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Việt Hoàng



Đoàn Thị Bội Hạnh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

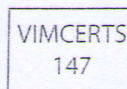
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

**BẢN SAO
COPY**

Mã số mẫu/ Sample Code BN18120043 MM18120098	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 10/12/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA**
 Địa chỉ/ Address : **KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN**
 Tên mẫu/ Name of sample : **MERRY - BÁNH QUY DỪA MÈ**
 Số lượng/ Quantity : **1**
 Tình trạng mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong bao bì kín**
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **03/12/2018**
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **10/12/2018**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Tro không tan / HCl 10%	%	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.TN.0096 (Ref. TCVN 4071:2009)
2	Chỉ số acid	mg KOH/g chất béo	0,434	TCVN 6127:2010 (ISO 660:2009) (*)
3	Chỉ số peroxide	meq/kg chất béo	0,526	TCVN 6121:2010 (ISO 3960:2007) (*)
4	Độ ẩm	%	1,18	CASE.NS.0007 (FAO 14/7 p.205, 1986) (*)
5	Melamine	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0023 (GC/MS/MS)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

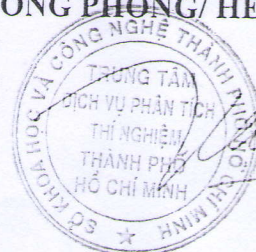
Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Ngày: 18-03-2019

Số chứng thực: 02713 Quyển số: 01 SCT/BS

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Th.S. Vũ Hàn Giang



Đoàn Thị Bội Hạnh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Việt Hoàng

TRỤ SỞ CHÍNH

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(4) 18001105

(84.28) 3911 7216

(e) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(4) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(84.292) 3918219

(e) support@case.com.vn

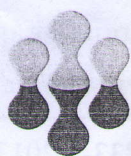
VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(4) (84.258) 246 5255

(84.258) 246 5355

(e) vanphongmien trung@case.vn

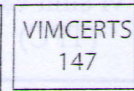


CASE

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC


**BẢN SAO
COPY**

Mã số mẫu/ Sample Code BN18120043 MM18120098	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 10/12/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA

Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN

Tên mẫu/ Name of sample : MERRY - BÁNH QUY DỪA MÈ

Số lượng/ Quantity : 1

Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/12/2018

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 10/12/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	ISO 7932:2004 (*)
2	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	ISO 7937:2004 (*)
3	Coliforms	CFU/g	< 10	ISO 4832:2006 (*)
4	Escherichia coli	/g	Không phát hiện	ISO 16649-3:2015 (*)
5	Salmonella	/25g	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)
6	Staphylococcus aureus	/g	Không phát hiện	ISO 6888-3:2003 (*)
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	< 10	ISO 21527-2:2008 (*)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRU SỞ CHÍNH

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(4) 18001105

(84.28) 3911 7216

(84.28) 3911 7216

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 536, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(4) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(84.292) 3918219

support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(4) (84.258) 246 5255

(84.258) 246 5355

vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	< 10	ISO 4833-1:2013 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 18 -03- 2019

Th.S. Huỳnh Yên Hà

Số chứng thực: 02713 Quyển số: 01 BCT/BS



Đoàn Thị Bội Hanh



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Viết Hoàng

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

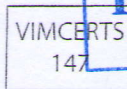
QUẢN LÝ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(4) (84.292) 3918216 - 217 - 218
(4) (84.292) 3918219
(E) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(9) STH-2718, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(4) (84.258) 246 5255
(4) (84.258) 246 5355
(E) vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



**BẢN SAO
COPY**

Mã số mẫu/ Sample Code BN18120043 MM18120098	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 - LBH 03 Ngày/Date : 10/12/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA**
Địa chỉ/ Address : **KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẢO - TỈNH HUNG YÊN**
Tên mẫu/ Name of sample : **MERRY - BÁNH QUY DỪA MÈ**
Số lượng/ Quantity : **1**
Tình trạng mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong bao bì kín**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **03/12/2018**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **10/12/2018**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Beta-Caroten	mg/kg	Không Phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0084 (HPLC)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

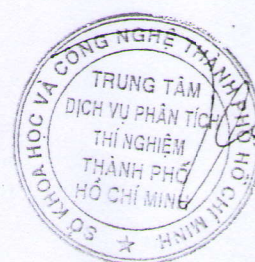
CHÍNH THỨC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Ngày: 18-03-2019

Số chứng thực: 027.13 Quyển số: 01CT/18

Th.S. Vũ Hàn Giang



Đoàn Thị Bội Hạnh



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Viết Hoàng

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(4) 18001105
(8) (84.28) 3911 7216
(E) casehcm@case.vn

CN CÁN THO
(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(4) (84.292) 3918216 - 217 - 218
(8) (84.292) 3918219
(E) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(9) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(4) (84.258) 246 5255
(8) (84.258) 246 5355
(E) vanphongmienntrung@case.vn



Thành phần: Bột mì, dầu dừa, đường, cơm dừa (2,2%), mè (2,2%), bột sữa, bơ, trứng, mạch nha, chất tạo xốp (500(g), 451(g)), muối, chất nhũ hóa (322(i)), chất điều chỉnh độ acid (452(i)), chất xít ỳ bột (223), hương thực phẩm tổng hợp (vanil, dừa, sữa, mè), màu thực phẩm tổng hợp (160a(i)).

Ingredients: Wheat flour, vegetable oil, sugar, coconut flakes (2,2%), sesame (2,2%), milk powder, butter, egg, maltose (500(g), 451(g)), salt, emulsifier (322(i)), acidity regulator (452(i)), flour treatment agents (223), artificial food flavoring (vanillin, coconut, milk, sesame), artificial food coloring (160a(i)).

Chất béo chất lượng chủ yếu:
- Hàm lượng tro không tan (trong HCL 10%) ≤ 0,1 %
- Độ ẩm ≤ 6 %
- Chỉ tiêu peroxide ≤ 10 meq/kg béo

Main quality criteria:
- Acid-insoluble ash (in HCL solution 10%) ≤ 0,1 %
- Peroxide ≤ 10 meq/kg fat

Số lý CB: BC9/ST/2019



Khối lượng tịnh/Net weight: 42 g (1.5 oz)



Sản phẩm của/Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA
KCN Minh Đức, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Product of/Manufactured by:
SANTA FOOD JOINT STOCK COMPANY
Minh Đức Industrial Park, Minh Đức Ward, Mỹ Hào District, Hưng Yên Province, Vietnam
Tel/Fax: +84 221 3 94 88 18
Email: customercare@santa.com.vn
Website: santa.com.vn

Ngày sản xuất: In trên bao bì
Hạn sử dụng: In trên bao bì
Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Date of manufacture: Show on pack
Expiry date: Show on pack
Directions for use: Ready to eat
Store in a cool dry place, away from direct sunshine.







THÔNG TIN SẢN PHẨM

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Năng lượng	kJ/100g	1800
Protein	g/100g	12
Chất béo	g/100g	18
Carbohydrate	g/100g	25
Sugar	g/100g	10
Salt	g/100g	0.5

THÔNG TIN SẢN PHẨM

THÔNG TIN SẢN PHẨM



THÔNG TIN SẢN PHẨM